TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DSST
Ngày: 30/5/2018
V/v tranh chấp: "Hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và ông Đỗ Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Đơn - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Hồng A - sinh năm 1966
Trú tại: Thôn L, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên
Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Kim C – sinh năm 1969
Trú tại: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên
Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Cai Thị Thanh H - sinh năm 1967
Trú tại: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên
Vắng mặt.

4. *Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1975
Trú tại: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên
Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1962
Trú tại: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên
Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Hồng T1 - sinh năm 1964

Trú tại: Thôn L, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên
Vắng mặt.

- Chị Hồ Thị T2 - sinh năm 1979
Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên
Vắng mặt.

- Chị Trần Thị Yến G1 - sinh năm 1972
Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên
Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị G2 - sinh năm 1969
Trú tại: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên
Có mặt.

- Chị Đỗ Thị S - sinh năm 1967
Trú tại: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng A trình bày:

Trước đây, chị C có tham gia chơi huê do chị A làm chủ huê, chị C hốt huê trước mà không nộp tiền đầy đủ, nên chị A cho chị C vay tiền để đóng vào các chân huê còn nợ. Đến 29/10/2016, hai bên xác định chị C còn nợ chị A số tiền 49.000.000đ nên chị C ký vào giấy mượn tiền, chị C thỏa thuận trả dần hàng tháng cho chị A, nhưng đến nay chị C không trả tiền như thỏa thuận. Chị C đã tham gia các dây huê và nợ như sau:

1/ Dây huê bắt đầu chơi ngày 22/9/2015 có 16 người chơi, chị C nhận tiền 15 người, chị C đã nộp tiền cho 12 người, không nộp tiền 04 người, mỗi chân huê 1.000.000đ, nên chị C mượn số tiền 04 triệu đồng để nộp.

2/ Dây huê bắt đầu chơi ngày 28/10/2015 có 17 người chơi, chị C nhận tiền 16 người, chị C đã nộp tiền 11 người, không nộp tiền 06 người, mỗi chân huê 1.000.000đ, nên chị C mượn số tiền 06 triệu đồng để nộp.

3/ Dây huê bắt đầu chơi ngày 17/01/2016 có 13 người tham gia, chị C nhận tiền 12 người, chị C đã nộp tiền 08 người, không nộp tiền 05 người, mỗi chân huê 2.000.000đ, nên chị C mượn số tiền 10 triệu đồng để nộp.

4/ Dây huê bắt đầu chơi ngày 25/10/2015 có 17 người chơi, chị C nhận tiền 16 người, chị C đã nộp tiền 11 người, không nộp tiền 06 người, mỗi chân huê là 1.000.000đ, chị C mượn 06 triệu đồng để nộp.

5/ Dây huê bắt đầu chơi ngày 30/01/2016 có 17 người chơi, chị C nhận tiền 16 người, chị C đã nộp tiền 12 người, không nộp tiền 05 người, mỗi chân huê là 1.000.000đ, chị C mượn 05 triệu đồng để nộp.

6/ Dây huê bắt đầu chơi ngày 20/10/2015 có 17 người chơi, chị C nhận tiền 16 người, chị C đã nộp tiền 11 người, không nộp tiền 06 người, mỗi chân huê là

500.000đ, chị C mượn 03 triệu đồng để nộp.

7/ Dây huê bắt đầu chơi ngày 15/3/2016 (02 dây huê khác nhau):

- Dây 1 có 16 người chơi: chị C hốt huê ngày 15/6/2016, chị C nhận tiền 15 người, mỗi chân huê 500.000đ, chị C đã nộp tiền cho 05 người, không nộp tiền 11 người, chị C mượn 5.500.000đ để nộp.

- Dây 2 có 16 người chơi: chị C hốt huê ngày 15/8/2016, chị C nhận tiền 15 người, mỗi chân huê 500.000đ, chị C đã nộp tiền cho 05 người, không nộp tiền 11 người, chị C mượn 5.500.000đ để nộp.

Do đó, chị A khởi kiện yêu cầu chị C trả số tiền đã mượn. Tại phiên tòa, chị A thừa nhận chị C còn nợ 45.000.000đ, còn chị Cai Thị Thanh H nợ 4.000.000đ, nhưng ghi nhầm vào giấy nợ của chị C. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị C phải trả số tiền đã mượn là 45.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản hòa giải ngày 30/8/2017, bị đơn chị Lê Thị Kim C trình bày: Chị thừa nhận có tham gia chơi huê với chị A từ năm 2014 đến năm 2017. Theo giấy ghi tổng tiền các chân huê thì chị chưa nộp huê là 41.500.000đ. Đây là số tiền chơi huê chị C chưa nộp, chứ không phải chị C vay mượn của chị A. Giấy mượn tiền ngày 29/10/2016 do chị Cai Thị Thanh H viết, chị C ký tên. Do chị A sợ chị C không trả, nên nhờ chị H viết giấy mượn tiền, chị C ký tên. Nhưng chị H viết số tiền 49.000.000đ là không đúng, vì chị chỉ nợ tiền huê tổng cộng cả gốc và lãi là 41.500.000đ. Do không xem kỹ nên chị đã ký vào giấy mượn tiền. Chị C yêu cầu chị A sửa lại nhưng chị A không sửa. Chị C thừa nhận nợ huê chị A 25.000.000đ chứ không phải 41.500.000đ hay 49.000.000đ. Chị đồng ý trả cho chị A 25.000.000đ tiền gốc mà chị A đã đóng thay cho chị.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Cai Thị Thanh H trình bày: Giấy mượn tiền ngày 29/10/2016 giữa chị A và chị C có số tiền nợ là 49.000.000đ là do chị H viết, chị C ký tên. Chị H thừa nhận chị C nợ chị A số tiền 45.000.000đ, chứ không phải 49.000.000đ, còn 4.000.000đ là tiền chị H hốt huê phải trả cho chị A, nhưng lúc đó thỏa thuận ghi luôn cho chị C, nay chị thừa nhận nợ chị A 4.000.000đ, chị sẽ trả cho chị A chứ không yêu cầu chị C trả. Chị C nợ tiền chị A là do chị C chơi nhiều dây huê đã hốt trước, nhưng không có tiền đóng nên chị A cho chị C mượn tiền để đóng chân huê của chị C.

- Những người làm chứng Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Hồng T1, Hồ Thị T2, Trần Thị Yến G1 đều xác nhận vào khoảng tháng 9/2016, chị Lê Thị Kim C có hốt huê, nhưng chị C không nộp tiền huê nên đã mượn của chị A để trả cho họ. Chị Đỗ Thị S, Nguyễn Thị G2 đều thừa nhận có tham gia chơi huê với chị C , chị A và nhiều người khác do chị A làm chủ nhiều chân huê, việc chơi huê không có tính lãi, chị A chỉ lấy tiền công khi ai đó hốt huê.

Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi là 45.000.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét

xử (HĐXX), Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Bị đơn vắng mặt không có lý do phải chịu hậu quả pháp lý do vắng mặt.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 45.000.000đ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tuy An nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập bị đơn là chị Lê Thị Kim C nhiều lần, nhưng chị C vắng mặt không có lý do nên Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn Lê Thị Kim C theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã mượn theo giấy mượn tiền. Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên nội dung tranh chấp giữa các bên là hụi, nên xác định lại quan hệ tranh chấp hụi. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Các đương sự đều thừa nhận chị Ngô Thị Hồng A làm chủ huê (hay gọi là chủ hụi). Các chị Lê Thị Kim C, chị Cai Thị Thanh H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Hồng T1, Hồ Thị T2, Trần Thị Yến G1 chị Đỗ Thị S, Nguyễn Thị G2 là những người tham gia chơi hụi do chị A làm chủ hụi. Như vậy có đủ căn cứ để xác định các đương sự tham gia giao dịch dân sự về hụi và có hưởng hoa hồng theo quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ.

Đến ngày 29/10/2016, chị C ký giấy mượn số tiền 49.000.000đ của chị A và cam kết trả dần hàng tháng. Như vậy, giữa chị A và chị C đã xác nhận nợ và xác lập thỏa thuận khác để thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Chị C cho rằng còn nợ chị A số tiền gốc là 25.000.000đ và tiền lãi là 16.500.000đ, tổng cộng là 41.500.000đ, nhưng không có chứng cứ nào chứng minh, nên không chấp nhận ý kiến của chị C.

Chị A, chị H thừa nhận tổng số 49.000.000đ, có số tiền 4.000.000đ là của chị H nợ chị A, nên chị C còn nợ số tiền 45.000.000đ. Do đó, chấp nhận giấy mượn tiền lập ngày 29-10-2016 do chị A xuất trình và sự thừa nhận của nguyên đơn là chứng cứ của vụ án theo quy định tại điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền là 45.000.000đ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 45.000.000đ * 5% = 2.250.000đ; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ và các Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Hồng A.

1. Buộc chị Lê Thị Kim C phải trả cho chị Ngô Thị Hồng A số tiền 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) về khoản nợ hụi.

Khi bản án có hiệu lực và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền còn phải thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị Lê Thị Kim C phải chịu 2.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Ngô Thị Hồng A số tiền 1.225.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003436 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thanh Tùng

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Phú Yên;*
- *VKSND huyện Tuy An (2);*
- *THA DS huyện T;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, AV.*